

Số: 1266 /TB-HĐXTVC

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

**Thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện vòng 1 và triệu tập thí sinh
đủ điều kiện tham dự vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại
Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026**

Căn cứ Kế hoạch số 788/KH-BVPNT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch về tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 520/QĐ-BVPNT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-HĐXTVC ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển viên chức về việc thành lập Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển;

Căn cứ Biên bản kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức năm 2026 của Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-BVPNT ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch về việc phê duyệt kết quả vòng 1 kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026;

Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026 thông báo danh sách người đăng ký dự tuyển đủ điều kiện, không đủ điều kiện vòng 1 và triệu tập người đăng ký dự tuyển đủ điều kiện tham dự vòng 2, cụ thể như sau:

1. Kết quả vòng 1

Tổng số thí sinh đăng ký dự tuyển: 160 người, trong đó:

- + Số người đăng ký dự tuyển đủ điều kiện vòng 1: 157 người;
- + Số người đăng ký dự tuyển không đủ điều kiện vòng 1: 03 người.

Danh sách người đăng ký dự tuyển đủ điều kiện và không đủ điều kiện vòng 1 được ban hành kèm theo Thông báo này.

Đối với 03 người đăng ký dự tuyển không đủ điều kiện vòng 1, lý do không đủ điều kiện được thể hiện cụ thể tại danh sách kèm theo.

2. Triệu tập người đăng ký dự tuyển đủ điều kiện vòng 1 tham dự vòng 2

Hội đồng xét tuyển viên chức triệu tập 157 người đăng ký dự tuyển đủ điều kiện vòng 1 tham dự vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026.

2.1. Thời gian

- 15 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 8 năm 2026: triệu tập người đăng ký dự tuyển tại địa điểm tổ chức sát hạch để điểm danh, kiểm tra giấy tờ tùy thân, phổ biến nội quy, quy chế xét tuyển và hướng dẫn quy trình tham dự vòng 2.
- Từ 07 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 8 năm 2026: tổ chức sát hạch vòng 2 theo lịch của Hội đồng xét tuyển viên chức.

Lịch sát hạch cụ thể đối với từng vị trí việc làm sẽ được Hội đồng xét tuyển viên chức thông báo tại buổi phổ biến nội quy, quy chế xét tuyển.

2.2. Địa điểm

Tại Hội trường tầng 3, dãy nhà A, Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch và các phòng sát hạch theo sự phân công của Hội đồng xét tuyển viên chức.

3. Một số điểm lưu ý

- + Các thí sinh phải tham dự buổi phổ biến nội quy, quy chế xét tuyển;
- + Yêu cầu thí sinh phải có mặt đúng giờ quy định; khi đến tham dự xét tuyển vòng 2 phải mang theo giấy tờ tùy thân (*căn cước công dân hoặc giấy phép lái xe, hộ chiếu, thẻ Đảng viên...*) để thành viên Ban Kiểm tra, sát hạch đối chiếu trước khi vào thực hành;
- + Trường hợp thí sinh vắng mặt sẽ bị mất quyền tham dự kỳ xét tuyển.

Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch thông báo cho thí sinh được biết, tham dự kỳ xét tuyển./.

(Có danh sách thí sinh và nội dung ôn tập gửi kèm)

Nơi nhận:

- Các thí sinh theo danh sách;
- Trang web BV;
- Niêm yết tại trụ sở BV;
- Lưu: VT, HĐXT.Thaottt.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH**



**PHÓ GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN
Trần Quang Tuấn**

**BỆNH VIỆN PHẠM NGỌC THẠCH
HĐ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VÀO LÀM VIỆC TẠI BỆNH VIỆN
PHẠM NGỌC THẠCH NĂM 2026**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH

Thí sinh đủ điều kiện vòng 1 kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026
(Kèm theo Thông báo số: 1266 /TB-HĐXTVC ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Vị trí việc làm đăng kí	Đối tượng ưu tiên
		Nam	Nữ				
1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		04/08/2000	Tổ 58 phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	
2	Triệu Ngọc Ánh		22/02/2001	Thôn Bản Lanh, xã Yên Phong, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
3	Lê Đức Bình	07/12/1999		Thôn 5, Xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
4	Vũ Khánh Chi		10/09/2002	Số 18, xóm Sơn Hà, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	
5	Tàng Kiên Cường	17/02/1999		Số nhà 31, ngõ 137, đường Tân Thịnh, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày

6	Nguyễn Minh Đức	13/08/2001		Ngõ 321 đường Dương Tự Minh, ngách 57, nhà 09, tổ 12 phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	
7	Nguyễn Thị Thu Hà		13/05/1996	Số nhà 60C, đường Bến Tượng, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	
8	Hoàng Đức Hiếu	07/02/2001		Số 20, đường Lương Thế Vinh, Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
9	Trương Văn Hòa	03/06/2002		Số nhà 1, tổ 4, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
10	Trần Quang Hợp	03/08/1995		Xóm Xuân Lạc, xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	
11	Trần Quang Huy	05/12/2001		Xóm Quang Trung, xã Nam Hòa, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Sán Dìu
12	La Thanh Huyền		04/11/2002	Số nhà 160, đường cách mạng tháng 8, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Nùng
13	Hoàng Trung Kiên	13/01/2000		Xóm Đồng Rã, xã Dân Tiến, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Nùng
14	Phạm Mai Lan		23/07/2002	Thôn Phố Luông, xã Biên Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày

15	Hà Thị Huệ Lanh		24/08/1997	Tổ 75, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
16	Nông Thị Linh		20/06/1996	Thôn Yên Bình, xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Nùng
17	Nông Thị Mai		25/11/2001	Tổ 60, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
18	Phan Thị Trà My		17/10/1996	Xóm Bục, xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi Khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
19	Vũ Thị Thanh Nga		18/12/2001	Ngõ 4, tổ 12, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	
20	Phạm Thị Nhuận		25/10/1996	Xóm Kiến Linh, xã Phú Lạc, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa	Bác sĩ (hạng III)	Con thương binh
21	Vũ Hương Quỳnh		05/03/2001	TDP Tân Thành 02, phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	
22	Nguyễn Như Quỳnh		01/08/2000	Xóm Khuân Cướm, xã Yên Trách, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
23	Phạm Văn Tâm	21/05/1993		Thôn Mai Tô, xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày

24	Ma Thị Thanh		30/10/2000	Xóm Nà Toán, xã Lam Vỹ, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
25	Lý Thu Thảo		06/10/2000	Tổ 2, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	
26	Nguyễn Thị Thương		03/02/2001	Số nhà 10, tổ 93, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
27	Lưu Văn Thuyết	10/03/2000		TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
28	Ngô Tuyết Trinh		08/11/2001	Tổ 1, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	
29	Nguyễn Thị Hồng Vân		26/04/1999	Xóm Đình Chùa, Xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ (hạng III)	Dân tộc Sán Dìu
30	Triệu Hồng Diệp		15/02/2003	Số nhà 192, tổ dân phố Tân Lập 12, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Dân tộc Dao
31	Trần Thu Hà		10/01/2004	Số nhà 11, ngõ 800, tổ 6 phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	
32	Lê Ngọc Hà		21/02/2002	Xóm Làng Nông, xã Yên Trách, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Dân tộc Tày
33	Trần Thu Hoài		21/11/2003	Xóm Làng Mon, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Dân tộc Nùng

34	Triệu Thị Lan		27/08/2001	Số nhà 25B, ngõ 301 Thống Nhất, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Dân tộc Dao
35	Cao Thị Thảo Linh		29/09/2002	Số 9, ngõ 37 Nguyễn Đình Chiểu, tổ 8, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	
36	Doãn Khánh Ly		01/01/2003	Số nhà 808, đường CMT8, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Dân tộc Nùng
37	Dương Thị Mai		02/10/1992	Xóm Tảng Thành, Thôn Thái Thọ, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	
38	Lê Thị Nga		05/11/1997	Xóm Trung Thần, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	Dân tộc Sán diu
39	Nguyễn Thanh Ngân		25/10/2003	Tổ 49, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	
40	Nguyễn Thị Oanh		25/02/1992	Xóm Phú, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	
41	Đồng Thị Hải Vân		07/02/2003	tổ 26, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	
42	Phan Thị Ngọc Anh		19/01/1999	TDP Hùng Vương, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	
43	Vũ Thị Quỳnh Anh		09/03/2001	Tổ 56, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	

44	Nguyễn Hoàng Anh	19/07/2003		Tổ 4, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	
45	Trần Thị Thanh Chúc		13/02/2004	Tổ 15, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	
46	Vũ Thị Hải		26/03/1985	Số nhà 06, tổ 11, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Con bệnh binh
47	Lý Thị Hương Hằng		02/09/2003	Thôn Dân Tiến, xã Thiện Tân, tỉnh Lạng Sơn	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Nùng
48	Trần Phương Hoài		28/12/2003	Tổ 23, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	
49	Hà Thị Hương		24/10/1990	Thôn Bản Giềng, xã Phong Quang, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Tày
50	Dương Thị Thu Hường		30/07/1984	Tổ 18, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	
51	Đỗ Thị Út Huyền		27/05/1996	Xóm Phú Thành, xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	
52	Lương Thị Lam		16/11/1995	Số nhà 28, ngõ 532, đường Lưu Nhân Chú, tổ 31, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Tày
53	Bé Mai Lan		31/10/2003	Tổ 9, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Dao

54	Dương Thị Ngọc		01/12/1992	SN 70, ngõ 35, tổ 21, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Tày
55	Vi Thị Bích Ngọc		09/11/2004	Xóm Bảo Linh, xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Hmông
56	Nguyễn Thị Nhung		26/05/2002	TDP Thọ Lâm, xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	
57	Đỗ Hồng Quân	27/02/2004		Xóm Mỹ Trạng, Xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	
58	Ngôn Thị Sim		04/09/2005	Thôn Nà Kiêng, Xã Ba Bể, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Tày
59	Dương Thị Ly Thảo		26/10/2003	Xóm Mỹ Yên, xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Dao
60	Trần Thị Thu Thảo		24/11/2004	Xóm Gió, xã Vạn Phú, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	
61	Hà Linh Thu		18/11/2004	Đường 3 tháng 2, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	
62	Lưu Thị Thúy		29/10/1997	Tổ 8, phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Tày
63	Đào Thị Thanh Thủy		07/07/1983	Tổ 14, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	

64	Đỗ Đức Toàn	05/12/2002		TDP Nam Thành, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Nùng
65	Nguyễn Thị Thu Uyên		05/09/2004	Ngõ 254 Quang Trung, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Tày
66	Bùi Thị Uyên		14/12/2003	xóm Bục, xã Trung Hội, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	Dân tộc Tày
67	Trần Ngọc Anh		23/05/2001	Số nhà 27 ngõ 3 khu đất dịch vụ Khê Hối, xã Hồng Vân, TP.Hà Nội	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	Con bệnh binh
68	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		14/12/2000	TDP Ba Hàng 1, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	
69	Hà Hương Dịu		10/03/2003	Số nhà 1, tổ 11, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
70	Lâm Hoàng Giang		15/02/2000	xóm Phố, xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	Dân tộc Nùng
71	Đoàn Thị Thu Hằng		21/01/1983	Tổ 6, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	
72	Hà Huy Hiếu	19/10/2000		Thôn Phương Thông, xã Phủ Thông, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
73	Nguyễn Thị Khánh Linh		05/12/2003	Số nhà 01, ngách 121, ngõ 168, tổ dân phố số 08, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	

74	Nguyễn Thùy Linh		10/11/2003	Tổ 11, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	
75	Trịnh Hồng Nhung		26/10/2003	Tổ 7, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	
76	Bế Thị Thủy		20/01/2003	Số 7, ngõ 46, Phú Thái, đường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	Dân tộc Tày
77	Trần Thị Thủy Tiên		30/01/2001	TDP Um, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	
78	Nguyễn Thị Thùy Trang		01/04/2002	Số nhà 07, ngõ 1175, tổ Phú xá 12, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	
79	Ân Thị Kiều Trang		17/02/1998	TDP 27, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	Dược sĩ Đại học	Dược sĩ (hạng III)	Dân tộc Sán Dìu
80	Vũ Thị Quỳnh Anh		27/02/1995	TDP 14, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng dược	Dược hạng IV	
81	Giáp Thị Cúc		15/03/1996	Số 04, TDP Xuân Gáo, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng dược	Dược hạng IV	
82	Nguyễn Thị Thanh Hằng		01/5/2000	Xóm Phúc Xuân, xã Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng dược	Dược hạng IV	
83	Bùi Thị Tuyết Mai		15/07/1987	Số nhà 107, TDP Hương Sơn 10, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Cao đẳng dược	Dược hạng IV	

84	Hoàng Thị Hoài Phương		28/08/2004	Thôn Phú Cường, xã Cẩm Nhân, tỉnh Lào Cai	Cao đẳng dược	Dược hạng IV	Dân tộc Tày
85	Bùi Hữu Khoa Bách	16/05/2003		153 Ngọc Lâm, phường Bồ Đề, TP.Hà Nội	Cử nhân dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	
86	Nguyễn Ngọc Giang Thương		07/05/1995	Tổ 38, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân dinh dưỡng	Dinh dưỡng hạng III	
87	Trần Thị Hạnh		07/08/1992	Số nhà 5, ngõ 72, phố Cột Cờ, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	
88	Đường Hoàng Hiếu	28/09/1999		Xóm Tiên Phong, xã Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Dân tộc Nùng
89	Nông Thị Linh		13/10/1992	Số nhà 426, tổ 23, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Dân tộc tày
90	Phạm Hoài Linh		30/01/2003	Tổ 18, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Dân tộc Sán Dìu
91	Đoàn Thị Thảo Phương		06/07/2003	Tổ 13, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	
92	Lưu Phương Thảo		04/08/2003	Tổ 50, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Dân tộc Nùng

93	Long Thị Trà		08/07/2000	Thôn 2, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật y hạng III	Dân tộc tày
94	Nguyễn Đình Ánh	26/01/1986		Thôn Trung hà 3, xã Nguyệt Đức, tỉnh Phú Thọ	Cử nhân Công tác xã hội	Công tác xã hội viên	
95	Ngô Vũ Thùy Dương		23/08/2001	Số 5, ngõ 25, đường CMT8, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Xã hội học	Công tác xã hội viên	
96	Bàn Thị Hương		05/08/2003	Xóm Quang Bình, xã Thành Công, tỉnh Cao Bằng	Cử nhân Công tác xã hội	Công tác xã hội viên	Dân tộc Dao
97	Chu Thị Huyền		22/10/2002	Tập thể Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân - Chính trị học	Công tác xã hội viên	
98	Đàm Thị Thúy Nga		24/06/1995	Xóm Phú Trì, xã Dân Tiến, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Công tác xã hội	Công tác xã hội viên	
99	Lê Thị Hồng Nga		27/04/2003	Thôn Lương Thành, xã Na Rì, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Công tác xã hội	Công tác xã hội viên	Dân tộc Nùng
100	Đoàn Minh Nguyệt		03/12/1997	Số nhà 144, ngõ 134 Đội Giá, tổ 20, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Thạc sĩ Văn học	Công tác xã hội viên	
101	Trần Thị Lệ Quyên		10/07/1995	thôn Minh Khai, xã Bằng Hành, tỉnh Tuyên Quang	Cử nhân Công tác xã hội	Công tác xã hội viên	

102	Hoàng Thị Kim Thanh		16/08/2003	xóm Dương Tự Minh, xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Tâm lý học giáo dục	Công tác xã hội viên	Dân tộc Nùng
103	Ngô Thị Thu Trang		01/07/1996	Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Công tác xã hội Đại học Khoa học	Công tác xã hội viên	
104	Ngọc Hoàng Trang		28/12/1986	TDP 14, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Sư phạm Địa lý	Công tác xã hội viên	Dân tộc Tày
105	Chu Thị Thanh Tuyết		19/03/1997	Xóm 12, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Giáo dục học	Công tác xã hội viên	Dân tộc Sán Dìu
106	Hoàng Thị Minh Anh		18/07/1980	Số nhà 6 ngõ 90, tổ 4 phường Phan Đình Phung, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kinh tế	Kế toán viên (hạng III)	Dân tộc Nùng
107	Hoàng Thị Hồng Ánh		24/09/2004	Tổ dân phố số 5, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân tài chính - ngân hàng	Kế toán viên (hạng III)	Dân tộc Nùng
108	Hoàng Ngọc Đăng Dương		20/09/2001	Tổ 23, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân tài chính - ngân hàng	Kế toán viên (hạng III)	Dân tộc Tày
109	Nguyễn Đàm Khánh Linh		13/01/2001	Số 10, tổ 9, phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân tài chính - ngân hàng	Kế toán viên (hạng III)	Dân tộc Tày
110	Nguyễn Thảo Ngọc		23/10/2004	Số 96, đường Hoàng Văn Thụ, tổ 4, phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân kế toán	Kế toán viên (hạng III)	
111	Đỗ Thị Thu Vân		30/12/2003	Số 86, đường số 3, KĐT Hồ Xương Rồng, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái	Cử nhân tài chính - ngân hàng	Kế toán viên (hạng III)	Con thương binh

				Nguyên			
112	Lê Thị Ngọc Anh		14/03/2001	Số 60 đường Bắc Sơn, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Quản trị văn phòng	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Tày
113	Nông Kim Cúc		07/10/1994	Thôn Bản Pò, xã Na Rì, tỉnh Thái Nguyên	Đại học chuyên ngành Quản lý nhà nước	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Tày
114	Nguyễn Thị Hồng Diễm		04/05/2001	Giang Liễu, phường Phương Liễu, tỉnh Bắc Ninh	Cử nhân quản trị văn phòng	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Tày
115	Nguyễn Thị Diệp		03/06/1990	Số nhà 47, tổ 8, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Thạc sĩ Quản lý Kinh tế	Chuyên viên về tổng hợp	
116	Tạ Việt Dũng	28/08/1979		Số 9A đường Lê Lợi, phường Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ	Cử nhân quản trị kinh doanh	Chuyên viên về tổng hợp	Con thương binh
117	Hoàng Nguyệt Giang		28/08/1994	Số nhà 430/1, đường Bắc Kạn, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân kiến trúc	Chuyên viên về tổng hợp	
118	Nguyễn Thị Thu Hà		04/01/1994	Số nhà 102, tổ 6, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Sán Chay
119	Diệp Thành Hạnh		06/11/1997	Xóm Đồng Bục, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật kinh tế	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Sán Dìu
120	Nguyễn Diệu Hằng		08/08/1994	Tổ 15, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Kế toán Doanh nghiệp Công	Chuyên viên về tổng hợp	

					ngiệp		
121	Phương Thị Hòa		15/11/1988	Xóm Hòa Khê 2, xã Văn Hán, tỉnh Thái Nguyên	Đại học, ngành Khoa học quản lý	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Nùng
122	Đàm Thị Hoan		03/07/2002	Tổ 20, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kế toán	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Nùng
123	Hoàng Thị Hường		29/08/2000	Tổ 19 phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Nùng
124	Trần Thanh Huyền		15/06/2002	Xóm Cà Phê, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân - Chính trị học	Chuyên viên về tổng hợp	
125	Đỗ Mai Linh		13/12/2003	Tổ 4, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật	Chuyên viên về tổng hợp	
126	Doanh Quỳnh Nga		11/11/2001	Số nhà 193B, tổ 3, phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân ngành Quản trị nhân lực	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Tày
127	Vũ Trang Nhung		13/08/2000	Xóm Trung Tâm, xã Kha Sơn, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật	Chuyên viên về tổng hợp	
128	Nguyễn Lý Nguyên Phương	23/03/2002		Số nhà 41, tổ 56, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật kinh tế	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Tày
129	Nguyễn Trần Thu Quyên		09/09/2003	Số 06, đường Xuân Hòa, tổ 16, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân tốt nghiệp ngành Luật	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Nùng

130	Ma Thị Tám		01/01/2001	Thôn Bình Minh, xã Trần Phú, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân quản lý nhà nước	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Tày
131	Phạm Lê Phương Thảo		09/04/2004	Tổ 13, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật kinh tế	Chuyên viên về tổng hợp	
132	Hoàng Thị Thu		27/08/2001	Thôn Tổng Luyên, Xã Chợ Rã, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật kinh tế	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Tày
133	Nguyễn Hồng Thùy		01/07/1995	Số nhà 11B, tổ 41, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Thạc sĩ Quản lý Kinh tế	Chuyên viên về tổng hợp	
134	Đào Thị Ánh Tuyết		21/11/2002	Xóm Cây Thống, xã Đức Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kế toán	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Tày
135	Lê Thu Uyên		10/05/2002	Số nhà 125B, ngõ 125, đường Lương Thế Vinh, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kế toán	Chuyên viên về tổng hợp	
136	Lương Thị Thùy Vân		13/07/2004	Số 309, TDP 33, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật	Chuyên viên về tổng hợp	Dân tộc Tày
137	Nguyễn Lê Vân		13/08/2004	Số nhà 651, xóm Thái An, xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật	Chuyên viên về tổng hợp	
138	Lê Thị Thu Hà		29/12/1998	Tổ Tân Lập 4, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Tài chính - ngân hàng	Chuyên viên thủ quỹ	
139	Vũ Thị Lan Hoài		12/07/1999	Số nhà 8, tổ 30, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kế toán	Chuyên viên thủ quỹ	

140	Lê Thị Thanh Ngọc		28/10/1987	Số nhà 19, tổ 34, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kế toán	Chuyên viên thủ quỹ	
141	Nguyễn Thị Phụng		06/12/1990	Xóm Y Na, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kế toán	Chuyên viên thủ quỹ	
142	Nguyễn Minh Đức	31/12/1999		Số nhà 69, ngõ 557, đường CMT8, tổ 2, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	
143	Phan Thảo Linh		05/01/2003	Tổ 60, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kế toán	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	
144	Đỗ Thị Bích Loan		25/09/1997	Xóm Long Vân, xã Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Quản lý nhà nước	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	
145	Bùi Hồng Phúc	26/06/1995		TDP Sơn Cẩm, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	
146	Trần Thị Hương Thảo		20/12/1997	Xóm Ao rôm 2, xã Văn Hán, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	
147	Nguyễn Vũ Đan Thùy		27/04/2003	Tổ 30, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Kinh tế	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	
148	Nông Hoàng Yến		12/01/2004	Số 10, ngách 84/16 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội	Cử nhân Luật	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Dân tộc Tày
149	Nguyễn Thị Hải Yến		29/09/1999	Xóm Cây Sy, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Luật	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	

150	Bùi Thị Hoài		23/01/2004	Thôn Đồng Tâm, xã Lam Vỹ, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Dân tộc tày
151	Dương Thị Linh		16/06/1999	Trung Hòa, Xã Cao Minh, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Quản lý nhà nước	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Dân tộc Tày
152	Nguyễn Ngọc Mai Linh		11/02/2003	Số nhà 8, tổ 30, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Chính trị học	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	
153	Hoàng Thị Ngon		05/10/1998	Thôn Khuổi Y, xã Thiện Thuật, tỉnh Lạng Sơn	Cử nhân Luật	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Dân tộc Nùng
154	Lý Thị Nguyệt		21/04/1991	Xóm Phú Hồng, xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Quản lý nhà nước	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Dân tộc Dao
155	Tô Thu Phương		03/07/2003	Tổ dân phố 32, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	
156	Trần Phương Thảo		13/04/1996	Tổ 22, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Đại học Luật	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	
157	Hoàng Nhật Thiên		05/09/2002	Thôn Bản Phố, xã Tân Kỳ, tỉnh Thái Nguyên	Cử nhân Quản trị văn phòng	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Dân tộc Tày

Ấn định danh sách này có 157 người./.

**BỆNH VIỆN PHẠM NGỌC THẠCH
HĐ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VÀO LÀM VIỆC TẠI BỆNH VIỆN
PHẠM NGỌC THẠCH NĂM 2026**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Thí sinh không đủ điều kiện vòng 1 kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026
(Kèm theo Thông báo số : 1266 /TB-HĐXTVC ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026)



STT	Họ và tên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Kết quả	Lý do không đủ điều kiện
1	Lê Thị Thanh Mai	Kỹ thuật y hạng III	Cử nhân Công nghệ sinh học	Không đủ điều kiện	Trình độ chuyên môn không đáp ứng yêu cầu của vị trí đăng ký dự tuyển
2	Thần Diệu Linh	Công tác xã hội viên	Cử nhân Công tác xã hội	Không đủ điều kiện	Phiếu đăng ký dự tuyển có sử dụng hai màu mực khác nhau, không bảo đảm yêu cầu
3	Nguyễn Thị Huệ	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Thạc sĩ Khoa học quản lý	Không đủ điều kiện	Trình độ chuyên môn không đáp ứng yêu cầu của vị trí đăng ký dự tuyển

**BỆNH VIỆN PHẠM NGỌC THẠCH
HĐ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
VÀO LÀM VIỆC TẠI BỆNH VIỆN
PHẠM NGỌC THẠCH NĂM 2026**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NỘI DUNG
**Ôn tập kiểm tra sát hạch vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc
tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026**
(Kèm theo Thông báo số: 1266/TB-HĐXTVC ngày 11 /8/2026 của Hội đồng xét
tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2026)

I. Vị trí Bác sỹ (hạng III):

1. Khai thác bệnh sử, tiền sử.
2. Khám toàn trạng.
3. Đánh giá dấu hiệu sinh tồn.
4. Khám da và niêm mạc.
5. Khám hạch ngoại vi.
6. Khám lâm sàng hệ tuần hoàn.
7. Khám lâm sàng hệ hô hấp.
8. Khám hệ tiêu hóa.
9. Khám bụng.
10. Khám gan.
11. Khám lách.
12. Khám hệ tiết niệu.
13. Khám thận.
14. Khám đầu mặt cổ.
15. Khám tuyến giáp.
16. Khám 12 đôi dây thần kinh sọ não.
17. Khám vận động.
18. Khám cảm giác.
19. Khám phản xạ.
20. Khám tiểu não.
21. Khám hệ cơ xương khớp.
22. Khám khớp gối.
23. Khám khớp vai.

24. Khám cột sống.
25. Đánh giá tri giác theo thang điểm Glasgow.
26. Khám hội chứng màng não.
27. Khám cơ.
28. Tư vấn người bệnh tăng huyết áp.
29. Tư vấn người bệnh đái tháo đường.
30. Tư vấn rối loạn lipid máu.
31. Tư vấn người bệnh hen phế quản/COPD.
32. Tư vấn phòng ngừa đột quỵ.
33. Tư vấn kế hoạch hóa gia đình.
34. Tư vấn cho người nhiễm HIV/AIDS.
35. Xử trí phản vệ

II. Vị trí Điều dưỡng hạng III

1. Truyền dịch tĩnh mạch
2. Tiêm tĩnh mạch
3. Tiêm mông
4. Garo cầm máu (bằng phương pháp băng esmarch)
5. Đo mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở
6. Cố định gãy xương đùi kín
7. Cố định gãy xương cẳng chân kín
8. Cấp cứu ngừng hô hấp, tuần hoàn
9. Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua Sonde
10. Rửa dạ dày
11. Thông tiểu nữ
12. Thông tiểu nam
13. Dẫn lưu nước tiểu
14. Rửa bàng quang bằng bơm tiêm
15. Băng ép vết thương động mạch cảnh
16. Đặt và lưu kim catheter tĩnh mạch ngoại vi
17. Lấy máu tĩnh mạch làm xét nghiệm

III. Vị trí Điều dưỡng hạng IV

1. Tiêm bắp cơ delta
2. Tiêm dưới da
3. Kỹ thuật vệ sinh tay thường quy
4. Cố định gãy xương cánh tay
5. Thay băng, rửa vết thương
6. Cho người bệnh thở oxy qua gọng kính
7. Tiêm trong da
8. Hút dịch dạ dày

9. Cho người bệnh thở oxy bằng mặt nạ
10. Băng mu và lòng bàn tay
11. Băng cẳng tay
12. Băng đầu
13. Băng bàn chân hở gót
14. Băng khuỷu tay
15. Băng kín 5 ngón tay
16. Băng ép cầm máu
17. Garo cầm máu bằng phương pháp băng tùy ứng
18. Cho người bệnh uống thuốc
19. Test lấy da
20. Kỹ thuật truyền máu
21. Hút đờm dãi đường hô hấp trên
22. Hút đờm dãi đường hô hấp dưới
23. Thở oxy bằng thông mũi hầu
24. Đặt ống thông dạ dày
25. Thụt tháo
26. Cố định gãy xương cẳng tay
27. Kỹ thuật đi găng và tháo găng vô khuẩn
28. Kỹ thuật rửa tay ngoại khoa
29. Kỹ thuật băng cánh tay

IV. Vị trí Dược sĩ (hạng III)

1. Tra cứu, tổng hợp và trả lời thông tin thuốc liên quan đến thuốc kháng sinh, kháng nấm, kháng virus và một số nhóm thuốc thường sử dụng tại bệnh viện.
2. Kiểm tra, rà soát đơn thuốc ngoại trú; phát hiện các vấn đề về chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, đường dùng, thời điểm dùng, thời gian dùng và tương tác thuốc.
3. Rà soát y lệnh sử dụng thuốc trên bệnh án; phát hiện các vấn đề liên quan đến thuốc và đề xuất can thiệp dược lâm sàng phù hợp.
4. Phát hiện, đánh giá và báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR); thực hành hoàn thiện Phiếu báo cáo ADR từ tình huống cho trước.
4. Đánh giá và đề xuất hiệu chỉnh liều thuốc trên người bệnh suy giảm chức năng thận, gan và một số đối tượng đặc biệt.
5. Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả cho người bệnh và nhân viên y tế.
6. Xử lý tình huống liên quan đến thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt theo quy định hiện hành.
7. Thực hiện phân tích ABC danh mục thuốc; tính toán, phân loại và nhận xét kết quả.
8. Thực hiện phân tích VEN và ma trận ABC/VEN; xác định các nhóm thuốc cần ưu tiên quản lý và đề xuất giải pháp.

9. Thực hiện phân tích sử dụng kháng sinh theo phương pháp DDD; tính toán, nhận xét và đánh giá số liệu sử dụng kháng sinh.

10. Phân tích tình hình cung ứng và sử dụng thuốc; đánh giá nhu cầu, số lượng sử dụng, tồn kho và đề xuất dự trữ thuốc.

11. Xử lý tình huống thiếu thuốc, gián đoạn cung ứng, thuốc tồn kho cao, chậm luân chuyển hoặc gần hết hạn.

12. Thực hiện nghiệp vụ quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt: xuất – nhập – tồn, cấp phát, giao nhận, hồ sơ, sổ sách và báo cáo.

13. Xây dựng quy trình thao tác chuẩn (SOP) đối với một hoạt động chuyên môn của khoa Dược theo tình huống/yêu cầu cho trước.

14. Phân tích và xử lý tình huống chuyên môn tổng hợp về dược bệnh viện, bao gồm cung ứng, sử dụng thuốc, dược lâm sàng và an toàn thuốc.

15. Phân tích, phát hiện và xử lý tương tác thuốc có ý nghĩa lâm sàng; đề xuất biện pháp theo dõi, phòng ngừa và xử trí.

16. Phân tích một ca lâm sàng, phát hiện các vấn đề liên quan đến thuốc về chỉ định, liều dùng, chống chỉ định, tương tác thuốc và đề xuất biện pháp xử lý.

V. Vị trí Dược hạng IV

1. Kỹ thuật pha chế 100 ml cồn iod 5%.
2. Kỹ thuật pha chế 100 ml dung dịch Lugol chứa iod 1%.
3. Kỹ thuật pha chế 100 ml dung dịch Lugol chứa iod 3%.
4. Kỹ thuật pha chế 100 ml cồn 70° từ cồn 90° và nước cất.
5. Kỹ thuật pha chế 200 ml cồn 70° từ cồn 90° và nước cất.
6. Kỹ thuật pha chế 250 ml cồn 70° từ cồn 90° và nước cất.
7. Kỹ thuật pha chế 100 ml cồn 60° từ cồn 90° và nước cất.
9. Kỹ thuật pha chế 200 ml cồn 60° từ cồn 90° và nước cất.
10. Kỹ thuật pha chế 250 ml cồn 60° từ cồn 90° và nước cất.
11. Kỹ thuật pha chế 100 ml cồn 60° từ cồn 70° và nước cất.
12. Kỹ thuật pha chế 200 ml cồn 60° từ cồn 70° và nước cất.
13. Kỹ thuật pha chế 250 ml cồn 60° từ cồn 70° và nước cất.

VI. Dinh dưỡng hạng III

1. Kiến thức chung về dinh dưỡng lâm sàng
2. Dinh dưỡng trong một số bệnh lý thường gặp
3. Dinh dưỡng ở các nhóm đối tượng đặc thù
4. Kỹ năng tư vấn và giáo dục dinh dưỡng

VII. Kỹ thuật Y hạng III

1. Kỹ thuật xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu ngoại vi.

2. Kỹ thuật xét nghiệm điện giải đồ (Na^+ , K^+ , Cl^-).
3. Kỹ thuật xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu 11 thông số.
4. Kỹ thuật xét nghiệm định lượng HbA1c.
5. Kỹ thuật xét nghiệm thời gian máu chảy.
6. Kỹ thuật xét nghiệm định lượng Glucose trong máu.
7. Kỹ thuật xét nghiệm định lượng Cholesterol trong máu.
8. Kỹ thuật xét nghiệm nhuộm Ziehl-Neelsen tìm AFB trực tiếp.
9. Kỹ thuật xét nghiệm vi nấm soi tươi.
10. Tiếp nhận và lấy mẫu máu xét nghiệm.
11. Kỹ thuật xét nghiệm định lượng Ure trong máu.
12. Kỹ thuật xét nghiệm định lượng Creatinin trong máu.

VII. Công tác xã hội viên

1. Luật Viên chức số 129/2025/QH15.
2. Luật Khám bệnh, chữa bệnh tại Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 26/02/2026.
3. Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế.
4. Khái quát chung về công tác xã hội trong bệnh viện.
5. Các phương pháp can thiệp và kỹ năng của người làm công tác xã hội trong bệnh viện.
6. Các quy trình thực hành công tác xã hội trong bệnh viện.

IX. Kế toán viên

1. Luật viên chức số 129/2025/QH15.
2. Luật Kế toán số 88/2015/QH13.
3. Luật Ngân sách số 89/2025/QH15.
4. Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế.
5. Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;
6. Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.
7. Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

X. Chuyên viên thủ quỹ

1. Luật viên chức số 129/2025/QH15.
2. Luật Kế toán số 88/2015/QH13.
3. Luật Ngân sách số 89/2025/QH15.

4. Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế.

5. Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;

6. Thông tư 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

7. Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

XI. Chuyên viên về tổng hợp

1. Luật Viên chức số 129/2025/QH15

2. Luật Khám bệnh, chữa bệnh tại Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 26/02/2026.

3. Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế.

4. Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về quản lý vị trí việc làm viên chức.

5. Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

6. Nghị định số 234/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức

7. Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

8. Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ về quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập

9. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về công tác văn thư.

10. Nghị định số 233/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức

XII. Chuyên viên về thi đua khen thưởng

1. Luật Viên chức số 129/2025/QH15

2. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022.

3. Nghị định số 234/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4. Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04/8/2025 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

5. Thông tư số 25/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong ngành Y tế

6. Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng

7. Nghị định số 25/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”.

XIII. Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực

1. Luật Viên chức số 129/2025/QH15.

2. Luật Khám bệnh, chữa bệnh tại Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 26/02/2026.

3. Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về quản lý vị trí việc làm viên chức.

4. Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

5. Nghị định số 234/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

6. Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 của Chính phủ về quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

Lưu ý: Thi vấn đáp hoặc thực hành chuyên môn chỉ nằm trong các nội dung trên.

----- **HẾT** -----